

Bản án số: 126/2018/HS-ST
Ngày 19-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đức Thanh và bà: Vũ Thị Thơ

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1984, tại tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn 6B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà: Nguyễn Thị L; Có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 1996, tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Xuân Bình, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Công T và bà: Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 26/6/2012 Chủ tịch UBND huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều) ra quyết định số 780/QĐ-UB-NC đưa vào trường giáo dưỡng số 2 với thời hạn 24 tháng, ngày 19/02/2014 đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng; Hiện đang bị áp dụng biện pháp công đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Lương Văn T, sinh năm 1997, tại: huyện T, tỉnh Điện Biên

Nơi cư trú: Bản Mường 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn B và bà: Lò Thị T (đã chết); Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp công đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty cổ phần xây dựng F.

Địa chỉ: Số 265, đường Cầu Giấy, phường D, quận C, Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*: Ông Nguyễn Danh B, sinh năm 1982 - là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 12/GUQ-TGD ngày 02/3/2018).

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác*:

*. Người làm chứng:

1. Anh Phan Đình B, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (không có lý do)

2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Vạn Lập, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lường Văn T đều là công nhân của Công ty cổ phần đầu tư thương mại T (gọi tắt là Công ty) có địa chỉ tại số 406, tổ 20, khu 2, phường H, thành phố H. Ngày 28/02/2018, Công ty giao Nguyễn Tuấn M điều khiển xe ô tô BKS 14C-216.10, loại cầu tự hành, cùng Phạm Văn Đ và Lường Văn T đến công trường Công ty cổ phần xây dựng F, phường H, thành phố H, để thu gom các tấm ba lét (dùng để xếp gạch) nằm dài rác ở công trường. Trong quá trình thu gom, M, Đ và T thấy có nhiều các thanh sắt, thép dùng để làm dàn giáo, chống cột nằm dài rác, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đ và T bàn bạc với M, cả ba đồng ý. Sau đó, Đ và T nhặt các thanh sắt các thanh sắt nằm dọc hai bên đường công trường F, còn M điều khiển xe đi đến, cả ba đưa toàn bộ sắt lấy trộm lên thùng xe ô tô và phủ các tấm ba lét lên trên. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi M lái xe cùng Đ và T chở số sắt lấy trên đến chốt bảo vệ của cổng chính của dự án thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện, đưa phương tiện và vật chứng đến Công an giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KLĐG ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hạ Long, kết luận: Tổng số các thanh

sắt tại thời điểm bị xâm hại, trị giá 3.633.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số: 107/CT-VKS ngày 31/5/2018, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lương Văn T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Về phần tài sản bị trộm cắp Công ty đã nhận lại, nhưng Công ty yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58 ; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Lương Văn T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 03 tháng đến 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo Nguyễn Tuấn M và Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả số thanh sắt trộm cắp cho Công ty cổ phần xây dựng F nên không đề cập.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long là đúng người, đúng tội; Lời nói sau cùng của các bị cáo: Ngoài đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt, các bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lương Văn T đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và công nhận cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội, những lời khai nhận tội của các bị cáo tập hợp lại thấy hoàn toàn phù hợp phù nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, bản kết luận định giá tài sản, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định:

Do muốn có tiền ăn tiêu, nên trong khi đang làm nhiệm vụ do Công ty cổ phần đầu tư thương mại T giao ngày 28/02/2018, Nguyễn Tuấn M điều khiển xe ô tô BKS 14C-216.10, loại cầu tự hành, cùng Phạm Văn Đ và Lương Văn T đến công trường Công ty cổ phần xây dựng F, phường H, thành phố H, để thu gom các tấm ba lét (dùng để xếp gạch) nằm rải rác ở công trường. Trong quá trình thu gom, M, Đ và T thấy có nhiều các thanh sắt, thép dùng để làm dàn giáo, chống cột nằm rải rác, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đ và T bàn bạc với M, cả ba đồng ý. Sau đó, Đ và T nhặt các thanh sắt nằm dọc hai bên đường công trường F, còn M điều khiển xe đi đến, cả ba đưa toàn bộ sắt lấy trộm lên thùng xe ô tô và phủ các tấm ba lét lên trên. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi M lái xe cùng Đ và T chở số sắt lấy trộm đến chốt bảo vệ của cổng chính của dự án thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện bắt giữ, đưa phương tiện và vật chứng đến Công an giải quyết. Toàn bộ các thanh sắt trên có nhiều loại khác nhau có trọng lượng 290kg và giá trị 3.633.000 đồng

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 28/02/2018, tại công trường F phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lương Văn T có hành vi trộm cắp các thanh sắt trong công trường F phường H, thành phố H của Công ty cổ phần xây dựng F, trị giá 3.633.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, thì hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản; gây mất an ninh trật tự trị an ở địa phương nói riêng, trật tự xã hội nói chung, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung .

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, khi bị cáo Đ và bị cáo T bàn bạc với bị cáo M về việc lấy trộm các thanh sắt thì cả ba bị cáo đều đồng ý và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau trong vụ án.

5] Tuy nhiên cũng cần phải xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo T thuộc hộ nghèo nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng được quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Không cần thiết buộc các bị cáo phải cách ly xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng trở thành người có ích cho xã hội và cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét về phần dân sự và bồi thường: Trong quá trình điều tra; giai đoạn chuẩn bị xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng với lý do: Sau khi tạm giữ toàn bộ tài sản trộm cắp để công an làm việc, các thanh sắt bị han rỉ, không còn giá trị sử dụng vào mục đích công trình thì thấy: Ngay sau bị bắt thì số tài sản trộm cắp đã bị thu hồi ngay và Công an thành phố Hạ Long đã trả lại toàn bộ tài sản này cho Công ty cổ phần xây dựng F và Công ty đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp. Mặt khác Công ty cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh nào cho Tòa án về việc Công ty bị thiệt hại 5.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[9] Vật chứng vụ án: Không thu giữ.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tuấn M và Phạm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Lương Văn T là cá nhân thuộc hộ nghèo nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nguyên đơn dân sự phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự do yêu cầu đòi bồi thường không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; (riêng bị cáo Lương Văn Thủy còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự); khoản 2 Điều 136; khoản 1, 3 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Phạm Văn Đ và Lương Văn T “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 06 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn M và Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn M và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Văn T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng F phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Nguyên đơn DS;
- VKSNDTPHL, Công an TP Hạ Long;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Quang Độ

